ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1704 /QĐ-UBND	*Cần Thơ, ngày 09 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà xưởng sản xuất thuốc sát trùng" tại Lô 2.20G Khu công nghiệp Trà Nóc II, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của cơ quan thường trực thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà xưởng sản xuất thuốc sát trùng" tại Biên bản họp hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường số 440/BB-STNMT ngày 22 tháng 02 năm 2022;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Nhà xưởng sản xuất thuốc sát trùng" đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 02/CV-TSTCT ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Công ty Cổ phần thuốc sát trùng Cần Thơ;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường - Cơ quan thường trực thẩm định tại Tờ trình số 1717/TTr-STNMT ngày 01 tháng 6 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Nhà xưởng sản xuất thuốc sát trùng" (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần thuốc sát trùng Cần Thơ (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại Lô 2.20G Khu công nghiệp Trà Nóc II, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và các yêu cầu tại Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Trưởng Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Ô Môn, Chủ dự án, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ TN và MT;
- Cổng TT điện tử TP;
- VP UBND TP (3B);
- Lưu VT. VK

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Tấn Hiển

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN "NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT THUỐC SÁT TRÙNG"

(Kèm theo Quyết định số 1704/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: "Nhà xưởng sản xuất thuốc sát trùng";

- Địa điểm thực hiện dự án: Lô số 2.20G Khu công nghiệp Trà Nóc II, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ;

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần thuốc sát trùng Cần Thơ; Địa chỉ liên hệ: 51, Trương Văn Diễn, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ;

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Tổng diện tích dự án là 5.000 m^2.

- Dự án xây dựng mới nhà máy sản xuất thuốc bảo vệ thực vật từ việc phối trộn các loại nguyên phụ liệu. Quy mô 9.500 tấn sản phẩm/năm, bao gồm các sản phẩm: Thuốc bảo vệ thực vật dạng bả mồi (GB) 8.800 tấn/năm. Thuốc bảo vệ thực vật dạng hạt (GR): 500 tấn/năm. Thuốc bảo vệ thực vật dạng lỏng (EC, SC, SL, SE, FS…): 200 tấn/năm.

1.3. Công nghệ sản xuất:

Công nghệ hoạt động sản xuất của dự án " Nhà xưởng sản xuất thuốc sát trùng" gồm có 03 dây chuyền sản xuất sau cụ thể hiện như sau:

- Quy trình công nghệ sản xuất sản xuất thuốc bảo vệ thực vật dạng bả mồi (GB): Nguyên phụ liệu → Kiểm tra chất lượng→ Nhập kho nguyên liệu→ Xuất nguyên liệu đưa vào sản xuất → Cân nguyên liệu theo mẻ phối trộn→ Sàng tạp chất→ Trộn nguyên phụ liệu→ Kiểm tra bán thành phẩm → Ép viên bán thành phẩm→ Sàng phân loại hạt→ Sấy điện trở→ Sàng hạt mịn→ Làm nguội→ Bin chứa → Bán thành phẩm (BTP) chờ đóng gói. Quy trình đóng gói thuốc bảo vệ thực vật dạng GB: Bán thành phẩm chờ đóng gói→ Kiểm tra chất lượng→ Sàng mịn→ Tịnh gói→ Cân gói→ Hàn miệng gói→ Vô thùng→ Kiểm tra chất lượng→ Nhập kho thành phẩm→ Lưu kho chứa.

- Quy trình công nghệ sản xuất thuốc bảo vệ thực vật dạng hạt (GR): Nguyên phụ liệu → Kiểm tra chất lượng→ Nhập kho nguyên liệu→ Xuất nguyên liệu đưa vào sản xuất→ Cân nguyên liệu theo mẻ phối trộn→ Cối trộn bán thành phẩm → Kiểm tra chất lượng→ Máy đóng gói bán tự động → Tịnh gói → Cân gói → Hàn miệng gói → Vô thùng → Kiểm tra chất lượng → Nhập kho thành phẩm → Lưu kho chứa.

- Quy trình công nghệ sản xuất thuốc bảo vệ thực vật dạng lỏng (EC, SC, SL, SE, FS...): Nguyên phụ liệu → Kiểm tra chất lượng→ Nhập kho nguyên liệu→ Xuất nguyên liệu đưa vào sản xuất→ Cân nguyên liệu theo mẻ phối trộn→ Bồn khuấy trộn→ Kiểm tra chất lượng→ Máy lọc→ Bồn chứa→ Đóng phuy→ Kiểm tra chất lượng → Nhập kho thành phẩm → Lưu kho chứa.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

Dự án xây dựng mới Nhà máy sản xuất thuốc sát trùng trên diện tích đất là 5.000 m^2, gồm các hạng mục cụ thể như sau:

- Hạng mục công trình chính: Khu vực sản xuất (Xưởng sản xuất; Kho nguyên liệu; Kho thành phẩm); Khu vực văn phòng (Văn phòng, Phòng họp, Kế toán-thủ kho; Phòng quản đốc).

- Hạng mục công trình phụ trợ: Khu vực sản xuất (Lò hơi; Phòng cơ khí; Nhà vệ sinh; Phòng thay đồ); Khu vực văn phòng (Phòng bảo vệ; Nhà vệ sinh; Hành lang); Các hạng mục khác (Trạm biến áp, Nhà xe + bể phòng cháy chữa cháy (ngầm); Cây xanh; Đường nội bộ).

- Hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Kho chất thải nguy hại; Kho chứa chất thải rắn; Hệ thống xử lý khí thải; Hệ thống xử lý nước thải.

- Hoạt động của dự án đầu tư:

Dự án được Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày 23 tháng 6 năm 2021. Vị trí thực hiện dự án tại Lô số 2.20G Khu công nghiệp Trà Nóc II, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Dự án sản xuất, cung cấp các sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật từ việc phối trộn các loại nguyên liệu đã có sẵn để tạo ra sản phẩm phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường (nếu có):-.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

2.1.1 Giai đoạn giải phóng mặt bằng:

Dự án đầu tư trên cơ sở thuê mặt bằng của khu công nghiệp nên không có giải phóng mặt bằng.

2.1.2. Giai đoạn thi công xây dựng

Dự án xây dựng mới các hạng mục công trình chính và cải tạo các hạng mục công trình phụ trợ và công trình bảo vệ môi trường.

** Nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải:*

- Nước thải: nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng, nước thải thi công, nước mưa chảy tràn trên khu vực dự án;

- Bụi, khí thải: bụi trong quá trình thi công xây dựng; khí thải từ các phương tiện vận chuyển và máy móc, thiết bị thi công xây dựng.

- Chất thải rắn: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại;

- Tiếng ồn, độ rung của các phương tiện vận tải và phương tiện thi công;

** Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải:*

- Sự cố, rủi ro trong quá trình thi công xây dựng (cháy nổ, ngập lụt,…);

- Nhiệt dư từ quá trình hàn đốt,..;

- Tác động đến hoạt động giao thông;

- Tác động đến kinh tế - xã hội;

- Tác động đến an ninh - trật tự;

- Các tác động do rủi ro, sự cố: Sự cố tai nạn lao động, sự cố cháy nổ.

2.1.3. Giai đoạn hoạt động

** Nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải:*

- Bụi, mùi, khí thải: Bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển; Nguồn tác động đến không khí từ dây chuyền sản xuất (Bụi phát sinh từ việc phối trộn nguyên liệu, vận chuyển; Mùi hôi và hơi khí độc phát sinh); Tác động ô nhiễm không khí do hoạt động lưu giữ nguyên nhiên liệu, thành phẩm; Nguồn gây ô nhiễm không khí khác (Khí thải và mùi hôi từ các khu xử lý nước thải; Khí thải lò hơi; Khí thải từ máy phát điện dự phòng; mùi hôi từ khu vực tập kết chất thải rắn, hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải: Quy trình sản xuất không sử dụng nước, tuy nhiên trong quá trình sản xuất có phát sinh nước thải liên quan đến quá trình sản xuất (Nước vệ sinh máy móc, trang thiết bị, nhà xưởng; Nước vệ sinh hệ thống phối trộn của dây chuyền sản xuất thuốc dạng lỏng; Nước thải phát sinh do vệ sinh xe vận chuyển); Nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn.

- Chất thải rắn: Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, chất thải rắn sản xuất.

- Tiếng ồn;

** Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải:*

- Tác động tới tình hình kinh tế xã hội trong khu vực;

- Những rủi ro và sự cố môi trường trong giai đoạn hoạt động: sự cố cháy nổ, an toàn giao thông, an ninh trật tự, sự cố hệ thống xử lý nước thải.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.2 Nước thải:

- *Nước thải sinh hoạt:* Phát sinh từ sinh hoạt hằng ngày như ăn, uống, tắm giặt, vệ sinh của công nhân làm việc tại dự án với tổng lượng nước thải ước tính khoảng 3,75 m^3/ngày.đêm. Thành phần nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa cặn lơ lửng, chất hữu cơ, các hợp chất nitơ, phospho, vi khuẩn gây bệnh.

- *Nước thải sản xuất:* Nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động bao gồm: Nước vệ sinh máy móc, trang thiết bị, nhà xưởng; Nước vệ sinh hệ thống phối trộn của dây chuyền sản xuất thuốc dạng lỏng; Nước thải phát sinh do vệ sinh xe vận chuyển. Tổng lượng phát sinh tối đa 5,75 m^3/ngày.đêm. Nước thải gồm các thành phần gây ô nhiễm như: TSS, COD, BOD_5 và các thành phần phần thuốc bảo vệ thực vật.

- *Nước mưa chảy tràn:* Nước mưa chảy tràn trong phạm vi khuôn viên dự án có chứa các thành phần tổng Nitơ, phospho, nhu cầu oxi hóa học (COD), tổng chất rắn lơ lửng (TSS).

3.1.2 Khí thải:

- *Bụi và khí thải từ hoạt động giao thông:*

Xe vận chuyển sản phẩm: Nhà máy sử dụng ô tô tải có tải trọng 10-15 tấn, trung bình mỗi ngày có khoảng 7 lượt xe vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm (cả đi và về) tương đương có 07 lượt xe có tải và 07 lượt xe không tải và ước tính đoạn đường trung bình mỗi xe đi 100 km/ngày. Số lượng xe nâng 2,5 tấn trong nhà máy là 3 chiếc.

Hoạt động phương tiện giao thông ra vào khu vực dự án phát sinh bụi và khí thải. Tuy nhiên, khi dự án đi vào hoạt động, toàn bộ hệ thống đường giao thông đã được đổ bê tông, dự án có diện tích rộng cách xa khu vực dân cư, có trồng cây xanh bao quanh để hạn chế bụi và khí thải.

- *Nguồn tác động đến không khí từ dây chuyền sản xuất:*

+ *Bụi:* Bụi phát sinh từ loại hình sản xuất thuốc thuốc bảo vệ thực vật dạng hạt và viên nén là chất ô nhiễm đặc trưng. Thành phần bụi chủ yếu là dạng bụi mịn chứa các thành phần thuốc thuốc bảo vệ thực vật.

+ *Mùi hôi và hơi khí độc phát sinh:* Sản phẩm dạng bả mồi và dạng viên gốc lân hữu cơ dạng hạt có độc tính và tác động nhanh. Thuốc bảo vệ thực vật dạng lỏng, trong quá trình phối trộn và tiếp liệu thì một lượng hơi hóa chất và dung môi (xylen...) sẽ bay hơi và phát tán vào không khí bên trong phân xưởng. Đặc trưng ngành sản xuất thuốc bảo vệ thực vật, mùi và hơi phát sinh của các nguyên liệu tùy thuộc vào điều kiện sản xuất, khối lượng nguyên liệu sử dụng và đặc tính nguyên liệu.

- *Bụi và mùi phát sinh từ hoạt động lưu giữ nguyên nhiên liệu, thành phẩm:* Dự án có sử dụng một lượng lớn nguyên liệu là các hóa chất phục vụ quá trình sản xuất. Quá trình lưu trữ các chất trên có khả năng phát tán hơi hóa chất, hơi dung

môi bay hơi, gây ô nhiễm môi trường không khí do nắp can, thùng chứa đậy không kín, hoặc hóa chất bị rò rỉ, tràn đổ..

- Nguồn gây ô nhiễm không khí khác:

+ Mùi hôi từ khu vực tập trung chất thải rắn: Mùi hôi phát sinh từ chất thải rắn chủ yếu từ quá trình thu gom tập kết chất thải rắn sinh hoạt, cụ thể là từ quá trình phân hủy các thành phần hữu cơ trong rác thải tạo ra các khí thải như: NH_3, H_2S, CH_4... gây mùi và thu hút các sinh vật gây bệnh.

+ Khí thải từ máy phát điện dự phòng: Trang bị 01 máy phát điện Diesel dự phòng với công suất 150 KVA, sử dụng nhiên liệu dầu DO với định mức tiêu thụ nhiên liệu vào khoảng 18 lít/giờ. Việc vận hành máy phát điện phát sinh bụi, và các khí SO_2, NO_x, CO. Máy phát điện chỉ hoạt động trong trường hợp mất điện, chế độ hoạt động không thường xuyên.

+ Khí thải lò hơi: Hoạt động sấy nguyên liệu của nhà máy được dùng nhiệt từ lò hơi công suất 350 kg hơi/giờ, lò hơi sử dụng nhiên liệu là dầu DO, trong quá trình đốt cháy nhiên liệu sẽ phát sinh bụi và các khí khác như: SO_2, CO, NO_x do quá trình cháy không hoàn toàn tạo ra. Thành phần khí thải có thể thay đổi rất lớn tùy thuộc vào chế độ cháy. Lượng dầu DO sử dụng cho hoạt động của lò hơi khoảng 50kg/giờ tương đương 600 kg/ngày. Ước tính khi tiêu thụ 01 kg dầu Diesel lò hơi sẽ cho ra lượng khí thải là 38 m^3, như vậy lưu lượng khí thải của lò hơi là 1.900 m^3/giờ.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.2.1 Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng) của chất thải rắn sinh hoạt:

Phát sinh từ quá trình hoạt động của nhân viên công nhân làm việc tại dự án, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 75 kg/ngày. Thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất hữu cơ và một số thành phần khác như giấy vụn, vỏ đồ hộp, thực phẩm thừa...

3.2.2 Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng), tính chất (loại) của chất thải rắn thông thường:

Chất thải rắn phát sinh trong sản xuất quá trình sản xuất của nhà xưởng gia công đóng, gói thuốc bảo vệ thực vật sẽ phát sinh các chất thải rắn chủ yếu là bao bì thải (bao bì không dính thuốc bảo vệ thực vật). Tổng lượng chất thải rắn sản xuất phát sinh có khối lượng từ 180 kg/ngày.

3.2.3 Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng), tính chất (loại) của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động: dầu nhớt thải từ quá trình bôi trơn, giẻ lau dính dầu mỡ 03 kg/tháng; bao bì dính hóa chất và thuốc bảo vệ thực vật 7 kg/ngày; bùn thải từ quá trình xử lý nước thải (trong trường hợp nhiễm thành phần nguy hại) 01 kg/tháng và than hoạt tính thải khoảng 3.000 kg/năm,... Thuốc hết hạn sử dụng khối lượng trung bình khoảng 50 kg/năm.

Chất thải nguy hại nếu không được quản lý, xử lý đúng quy định có thể gây ô nhiễm môi trường đất, nước và không khí, có thể là nguồn phát sinh dịch bệnh nguy hiểm.

3.3. Tiếng ồn, độ rung (nguồn phát sinh và quy chuẩn áp dụng):

Độ ồn phát sinh chủ yếu do hoạt động của máy móc, thiết bị trong chuyền công nghệ (moto, vít tải), phương tiện ra vào nhà máy.

+ Độ ồn phát sinh của phương tiện vận chuyển hàng hóa: Số lượt vận chuyển rất ít nên số lượt phương tiện vận chuyển hàng hóa còn giảm xuống. Lượng phương tiện này tập trung không nhiều và không cùng lúc.

+ Độ ồn và độ rung từ hoạt động của máy phát điện dự phòng, tuy nhiên hoạt động này diễn ra không thường xuyên (theo ước tính là 24 ngày/năm), và chỉ diễn ra khi lưới điện quốc gia gặp sự cố nên tác động chỉ ở mức thấp.

+ Độ ồn phát sinh từ dây chuyền công nghệ: Tiếng ồn dây chuyền công nghệ là độ ồn từ động cơ, motor.

3.4. Các tác động khác (nếu có):

Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Bùn lắng phát sinh từ hệ thống xử lý khoảng 01 kg/tháng. Bùn được lưu tại kho chứa chất thải rắn và phân định loại chất thải theo quy định.

Ô nhiễm nhiệt: Đối với các hoạt động của nhà máy thì nhiệt phát sinh chủ yếu tại lò hơi, nhiệt độ khu vực lò hơi khi hoạt động có thể lên đến 40^0C,... nhiệt độ này sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp tới quá trình công nhân lao động

Sự cố rò rỉ, tràn đổ nguyên, nhiên liệu hóa chất: Trong quá trình sản xuất có thể làm rò rỉ, tràn đổ hóa chất. Các sự cố này nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe công nhân tham gia sản xuất.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: được xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

- Nước thải sản xuất: Nước thải được thu gom, dẫn trực tiếp về hệ thống xử lý nước thải của dự án với công suất 10 m^3/ngày.đêm.

Hệ thống xử lý nước thải: nước thải sinh hoạt được thu gom cùng với nước thải sản xuất dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 10 m^3/ngày.đêm) để xử lý trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của khu công nghiệp.

Quy trình hệ thống xử lý nước thải: Nước thải (Nước thải nhà vệ sinh→ Hầm tự hoại 3 ngăn; Nước thải sản xuất)→ Bể thu gom, kiêm bể điều hòa→ Rổ lọc rác 2 cấp→ Pha AKAOP- Pha trung hòa- Pha keo tụ tạo bông- Pha lắng→ Bồn SBR→ Lọc áp lực → Khử trùng→ Đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của khu công nghiệp.

Quy chuẩn kỹ thuật so sánh, giám sát: Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40: 2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp (cột B) hoặc theo thỏa thuận với Công ty Cổ phần xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Cần Thơ (đơn vị Chủ hạ tầng khu công nghiệp).

Thông số hệ thống xử lý nước thải:

STT	Hạng mục	Số lượng
1	Bể thu gom kiêm điều hòa nước thải: Thể tích xây dựng: 11 m^3; Vật liệu: gạch đinh, xây đôi, chống thấm	1
2	Hầm chứa bùn: Thể tích xây dựng: 4 m^3; Vật liệu: gạch đinh, xây đôi, chống thấm	1
3	Rổ lọc rác 2 cấp: Bao gồm trụ đỡ, móc treo, xích kéo; Vật liệu: inox SS304, 1.5mm	1
4	Thiết bị tích hợp AKAOP: Vật liệu: composite cốt thép CT3 dày 3mm; Một số chi tiết kỹ thuật cơ khí bên trong được chế tạo bằng inox SS316	1
5	Bồn SMBR: Vật liệu: thép CT3, dày 4mm;	1
6	Màng lọc sinh học MBR: Áp lực vận hành: 100 - 300kPa	1
7	Thiết bị khử trùng: Model: ZZ-114P	1

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

** Giảm thiểu lượng bụi, khí thải phát sinh hoạt động giao thông:*

- Dự án được thiết kế giao thông nội bộ thông thoáng, bê tông hoá toàn bộ đường giao thông và sân bãi, bố trí cây xanh hợp lý giúp hạn chế ô nhiễm không khí như giữ bụi, lọc sạch không khí, giảm và che chắn tiếng ồn, cải thiện các yếu tố vi khí hậu.

- Dự án có diện tích lớn, tạo vùng đệm để hạn chế tiếng ồn, ngoài ra các hoạt động vận chuyển, lên xuống hàng hóa tránh các giờ nghỉ ngơi của công nhân và người dân xung quanh khu vực dự án.

** Giảm thiểu bụi, mùi phát sinh từ hoạt động sản xuất:*

- Nguyên phụ liệu dùng trong sản xuất được lưu chứa trong các thùng chứa kín. Các thùng chứa được đặt trong khu vực nhà xưởng, có mái che. Kho chứa được thiết kế thông thoáng, theo tiêu chuẩn nghiêm ngặt của quy định về hóa chất thuốc bảo vệ thực vật. Quy trình công nghệ sản xuất thực hiện khép kín tự động hóa, giảm

sức lao động con người, hạn chế sự ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động do tiếp xúc làm việc với hóa chất.

- Lắp đặt hệ thống xử lý khí thải và bụi phát sinh trong quá trình sản xuất. Quy trình như sau: Khí thải → Chụp hút→ Đường ống→ Lọc bụi túi vải → Đường ống→Tháp hấp phụ→ Quạt hút→ Ống khói (QCVN 19: 2009/BTNMT Cột B).

** Giảm thiểu bụi phát sinh từ khu vực chứa nguyên liệu và thành phẩm:*

Nguyên, nhiên liệu được lưu trữ trong các thùng phuy, thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy kín, quy trình lưu trữ cẩn thận. Kho lưu trữ được xây dựng đúng quy định về hóa chất, có hệ thống thông gió, báo cháy... hạn chế khả năng tràn đổ, bay hơi của các hóa chất này.

Sản phẩm sau khi hoàn thiện được đóng chai, bao gói kín và lưu trữ trong kho trước khi đưa sản phẩm ra thị trường tiêu thụ. Sản phẩm để nơi khô ráo, thoáng mát, sản phẩm được đặt trên các pallet cách ly với nền đất, mái kho che kín, không bị dột. Không tiếp xúc nắng hay để nơi có ánh nắng chiếu vào, tránh làm biến đổi thành phần hóa học ảnh hưởng chất lượng sản phẩm.

Vệ sinh kho nguyên liệu và kho thành phẩm, nhất là sau khi nhập liệu và nạp liệu vào sản xuất; vệ sinh khu nhập liệu, kho chứa, khu đóng bao.

Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân, nhất là công nhân làm việc tại các công đoạn nhập liệu, đóng bao và xuất sản phẩm.

Công đoạn đóng bao thành phẩm thực hiện trong phòng kín với trang bị hệ thống thông gió, lọc bụi riêng, nhằm hạn chế yếu tố môi trường bên ngoài làm ảnh hưởng chất lượng thành phẩm, cũng như làm giảm khả năng phát tán bụi ra bên ngoài làm thất thoát sản phẩm.

** Giảm thiểu khí thải từ hoạt động phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm:*

- Trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ an toàn lao động cần thiết cho phòng. Lắp đặt hệ thống thông gió cho phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm, với lưu lượng cấp gió cho phòng. Các nguyên phụ liệu được lưu chứa trong các tủ đựng. Trang bị tủ hút khí độc để thực hiện các thao tác làm việc với các hóa chất bảo vệ thực vật dễ bay hơi.

** Mùi hôi từ hệ thống thoát nước và nơi tập kết chất thải rắn:*

- Mùi hôi từ các khu vực chứa rác thải sinh hoạt: bố trí các thùng thu gom rác thải có nắp đậy, quy định vứt rác đúng nơi quy định, hợp đồng với đơn vị vệ sinh môi trường địa phương thu gom vận chuyển rác thải hàng ngày, không để rác thải ứ đọng gây mùi hôi.

** Giảm thiểu khí thải từ lò hơi*

- Chủ dự án sử dụng nhiên liệu cho lò hơi bằng dầu DO đảm bảo theo tiêu chuẩn. Lò hơi có tích hợp thiết bị kiểm soát khí thải. Thường xuyên kiểm tra và sửa

chữa, bảo dưỡng định kỳ hệ thống máy móc để chúng luôn trong tình trạng hoạt động tốt.

** Giảm thiểu tác động từ khí thải của máy phát điện dự phòng:*

Lắp đặt ở xa các vị trí làm việc của công nhân, định kỳ bảo trì bảo dưỡng đảm bảo máy phát điện hoạt động tốt, ưu tiên sử dụng nguồn điện chung, chỉ sử dụng máy phát điện khi có sự cố mất điện.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

** Chất thải rắn sinh hoạt:*

Chủ dự án quy định nhân viên, người lao động phải bỏ rác đúng nơi quy định. Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại để xử lý. Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý đúng nơi quy định, tần suất thu gom 01 lần/ngày.

** Chất thải rắn sản xuất:*

Toàn bộ lượng chất thải công nghiệp thông thường sẽ được thu gom và lưu giữ tại kho chứa chất thải rắn của dự án. Hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

Các nguyên liệu hết hạn, sai quy cách, tiến hành thu gom theo quy định gửi trả lại nhà sản xuất.

Các tạp chất thô đều được loại ra từ công đoạn sơ lọc cũng được thu gom lưu chứa tách riêng trong kho chứa vật tư, thiết bị và thuê đơn vị có chức năng mang đi xử lý theo đúng quy định hiện hành.

Đối với lượng bùn thải hệ thống xử lý nước thải: lấy mẫu và phân tích bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT. Chất thải nguy hại phát sinh sẽ được thu gom lưu chứa trong kho chứa chất thải nguy hại. Kho có mái che, nền bê tông, gờ chống tràn. Bố trí các thùng đựng chất thải nguy hại có dán nhãn chất thải nguy hại. Trước nhà kho có hướng dẫn phân loại chất thải nguy hại để người dân biết thực hiện. Chủ dự án chịu trách nhiệm quản lý, kiểm soát tiếp nhận, báo cáo cơ quan chức năng về tình hình quản lý chất thải nguy hại và bàn giao cho đơn vị xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn độ rung tại dự án chủ yếu phát sinh từ quá trình vận hành máy móc, thiết bị dây chuyền sản xuất, phương tiện vận chuyển, máy phát điện dự phòng.

*Đối với máy móc, thiết bị vận hành dây chuyền sản xuất:

- Sử dụng máy móc và thiết bị hiện đại ít phát sinh tiếng ồn, rung động. Theo cataloge của các thiết bị sử dụng có độ ồn, độ rung có khoảng cách 7 m lần lượt dao động trong khoảng từ 50 dBA-68 dBA và 50 dB-60 dB.

- Trang bị đồ, thiết bị bảo hộ lao động thích hợp cho công nhân viên làm việc trực tiếp tại dự án, định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất.

- Thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của các thiết bị máy móc và hiệu chỉnh nếu cần thiết. Gắn thêm vào vị trí phát sinh rung động một lớp đệm cao su, hoặc siết chặt chúng lại, chỉnh sửa sao cho chúng ăn khớp.

*Đối với máy phát điện dự phòng:

- Kiểm tra và thay thế hoặc bổ sung một số đệm cao su, lò xo chống rung cho nền máy phát điện dự phòng.

- Che chắn khu vực máy phát điện dự phòng, nhằm giảm thiểu ồn ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân viên làm việc tại dự án.

*Đối với các phương tiện vận chuyển:

- Không sử dụng các phương tiện vận chuyển vào giờ nghỉ trưa và ban đêm.

- Sử dụng phương tiện vận chuyển đã được kiểm định.

- Không chở quá tải trọng cho phép, phủ kín bạt trong quá trình vận chuyển.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có): -

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường (đối với dự án khai thác khoáng sản, dự án có chôn lấp chất thải):-

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có):-

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường (nếu có):

**Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ:*

Lập bảng nội quy, yêu cầu giữ gìn vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, yêu cầu công nhân nghiêm túc thực hiện. Lắp hệ thống phòng cháy chữa cháy, các thiết bị chữa cháy cầm tay như bình cứu hỏa, vòi nước chữa cháy, cát, bao cát,…

Thường xuyên hay định kỳ tổ chức vệ sinh công nghiệp để hạn chế bụi. Quét dọn nhà xưởng, vệ sinh máy móc, thiết bị vật tư tránh bụi, mạng nhện vây, bám làm hỏng hóc máy móc, sinh nhiệt gây cháy nổ.

Đối với các thiết bị điện thì tính toán dây dẫn tiết diện hợp lý với cường độ dòng điện và có thiết bị bảo vệ khi xảy ra sự cố quá tải. Các motor điện phải có hộp che chắn bảo vệ, đảm bảo không cho bụi rơi vào. Đồng thời tất cả máy móc đều phải có dây tiếp đất, đảm bảo điện trở tiếp đất.

Thường xuyên kiểm tra hệ thống các đường dây dẫn điện của toàn dự án, hộp cầu dao kín và tiếp điện tốt, có hệ thống cúp điện tự động khi xảy ra sự cố. Trang bị đầy đủ thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định.

** Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố của công trình xử lý nước thải*

Phân công công nhân có chuyên môn về môi trường để vận hành hệ thống. Sử dụng thiết bị hoạt động theo chế độ luân phiên (có thiết bị dự phòng khi cần thiết) và hạn chế tối đa hư hỏng thiết bị trong quá trình hoạt động. Kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ hệ thống xử lý nước thải nhằm để kịp thời phát hiện, khắc phục các sự cố có thể xảy ra.

Lập sổ theo dõi sự ổn định của hệ thống trong suốt quá trình hoạt động. Thực hiện quan trắc chất lượng nước sau xử lý định kỳ hoặc đột xuất nhằm đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý. Chủ động báo cáo ngay đến cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

**Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố của công trình xử lý bụi, khí thải*

Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ công trình xử lý bụi, khí thải để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm để đảm bảo khí thải đầu ra đạt quy chuẩn trước khi thải ra ngoài môi trường. Chủ dự án chủ động chuẩn bị các bộ phận thiết bị dự phòng nhằm để kịp thời thay thế đối với bộ phận hỏng. Phân công công nhân đã được đào tạo chuyên môn vận hành công trình xử lý bụi, khí thải.

Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất nhằm để kịp thời phát hiện và khắc phục, sửa chữa, thay thế các thiết bị hỏng. Nếu xảy ra sự cố không thể khắc phục được ngay thì chủ dự án sẽ tạm ngưng hoạt động để kịp thời sửa chữa, khắc phục sự cố, cho đến khi khắc phục và sửa chữa xong thì tiếp tục đưa vào hoạt động.

**Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất*

Chủ dự án chủ động xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo đúng quy định; xuyên tập diễn, xây dựng các kế hoạch diễn tập hàng năm theo đúng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được duyệt.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư (Giai đoạn vận hành thương mại):

5.1. Nước thải:

- Vị trí: 01 điểm tại bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung; 01 điểm tại vị trí đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của nhà máy xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

- Chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng, pH, COD, BOD_5, TSS, Tổng Nitơ, Tổng Photpho, Dầu mỡ động thực vật, Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ, Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Photpho hữu cơ, Coliform.

- Quy chuẩn kỹ thuật so sánh, giám sát: QCVN 40: 2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B) hoặc theo thỏa thuận với Công ty Cổ phần xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Cần Thơ (đơn vị Chủ hạ tầng khu công nghiệp). Nguồn tiếp nhận là đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của khu công nghiệp.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

5.2. Giám sát khí thải:

** Giám sát khí thải và bụi tập trung:*

- Vị trí: đầu vào và đầu ra mẫu khí thải tại hệ thống xử lý khí thải và bụi phát sinh trong quá trình sản xuất.

- Chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng, bụi tổng, SO_2, CO, NO_2, NH_3, F^-;

- Quy chuẩn kỹ thuật so sánh, giám sát: QCVN 19: 2009/BTNTM (cột B)-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi và khí thải công nghiệp một số chất vô cơ.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

5.3 Giám sát chất thải rắn:

Thực hiện giám sát thường xuyên tại khu vực dự án về khối lượng, thành phần chất thải phát sinh.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (nếu có).

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các hồ sơ, thủ tục giấy phép môi trường, vận hành thử nghiệm theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường./.